

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 20/2020/DS-PT
Ngày 18/02/2020
V/v tranh chấp đòi lại quyền
sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tôn Thị Thanh Thúy

Các Thẩm phán: 1- Ông Phạm Hùng Nuôi.

2- Bà Tăng Thị Thúy Nga.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Anh Thảo – Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng: Ông Sơn Cuol - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 194/2019/TLPT-DS, ngày 19 tháng 12 năm 2019 về việc " *Tranh chấp đòi quyền sử dụng đất* ".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 44/2019/DS-ST, ngày 22 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 287/2019/QĐ-PT ngày 31 tháng 12 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1966. (có mặt)

Địa chỉ: ấp Hòa Đ, xã Ngọc T, huyện Mỹ X, tỉnh Sóc Trăng.

Chỗ ở hiện nay: ấp Suối C, xã Suối C, huyện Xuân L, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1960 (chết).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ hợp pháp của bị đơn:

1/ Ông Nguyễn Duy K, sinh năm 1983. (Vắng mặt)

2/ Bà Nguyễn Thị Tố T, sinh năm 1980. (Vắng mặt)

3/ Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1976. (Có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp Hòa Đ, xã Ngọc T, huyện Mỹ X, tỉnh Sóc Trăng.

4/ Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1978. (Có mặt)

Địa chỉ: ấp Hòa Đ, xã Ngọc T, huyện Mỹ X, tỉnh Sóc Trăng.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Nguyễn Duy K, sinh năm 1983. (Vắng mặt)

2/ Bà Nguyễn Thị Tố T, sinh năm 1980. (Vắng mặt)

3/ Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1976. (Có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp Hòa Đ, xã Ngọc T, huyện Mỹ X, tỉnh Sóc Trăng.

4/ Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1978. (Có mặt)

Địa chỉ: ấp Hòa Đ, xã Ngọc T, huyện Mỹ X, tỉnh Sóc Trăng.

5/ Ủy ban nhân dân huyện Mỹ X, tỉnh Sóc Trăng. Địa chỉ: đường Ngô Q, ấp Vĩnh X, thị trấn Mỹ X, huyện Mỹ X, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Văn P - Chức vụ: Chủ tịch. Người đại diện theo ủy quyền là ông Võ Thanh T1, chức vụ: Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Mỹ Xuyên (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Người tham gia tố tụng khác: Người làm chứng:

1/ Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1951 (Vắng mặt)

2/ Ông Trương Văn S, sinh năm 1960 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp Hòa Đ, xã Ngọc T, huyện Mỹ X, tỉnh Sóc Trăng.

3/ Ông Nguyễn Văn H. (Vắng mặt)

Địa chỉ: đường Ba Đ, phường I, quận H, thành phố Hồ Chí Minh.

- Người kháng cáo: ông Nguyễn Văn Th, Nguyễn Duy K, Nguyễn Thị Tố T, Nguyễn Văn H là những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn và là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thì nội dung vụ kiện được tóm tắt như sau:

Theo nguyên đơn ông Nguyễn Văn N trình bày: Phần đất có diện tích 6.570m² tại thửa số 352, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại ấp Hòa Đ, xã Ngọc T, huyện Mỹ X, tỉnh Sóc Trăng là đất của cha mẹ ông cho ông từ năm 1985, ông canh tác đến năm 1991 thì ông cõ cho ông Trương Văn S 03 công với số lúa là 2.100 kg, cõ cho ông Nguyễn Văn H với số lúa là 1.000 kg, thỏa thuận khi nào ông có lúa thì chuộc lại. Trong thời gian ông đi làm ăn xa thì anh của ông là Nguyễn Văn Q (chết năm 2004) và vợ là bà Nguyễn Thị D đã tự ý chuộc lại số đất trên mà không có sự đồng ý của ông và anh ông tự đi đăng ký quyền sử dụng đất. Đến năm 1997 ông về quê thì được ông Q và bà D cho biết là đã chuộc lại đất và đồng ý khi nào ông có lúa thì cho ông chuộc lại. Nay ông có tiền chuộc lại đất thì bà D không cho chuộc mà cho rằng ông đã bán phần đất trên. Do đó, ông khởi kiện yêu cầu bà D trả lại cho ông phần đất tại thửa số 352, tờ bản đồ số 06, có diện tích là 6.570m², tọa lạc tại ấp Hòa

Đ, xã Ngọc T, huyện Mỹ X, tỉnh Sóc Trăng và ông đồng ý trả lại cho bà D số lúa là 3.100 kg mà bà D đã chuộc đất.

Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn ông Nguyễn Văn N thay đổi yêu cầu khởi kiện là ông chỉ yêu cầu bà D trả lại cho ông $\frac{1}{2}$ diện tích đất của thửa 352, tờ bản đồ số 06, có diện tích đo đạc thực tế là 6.078m², tọa lạc tại ấp Hòa Đ, xã Ngọc T, huyện Mỹ X, tỉnh Sóc Trăng và do ở xa không có điều kiện canh tác nên ông yêu cầu được nhận bằng giá trị quyền sử dụng đất và ông đồng ý trả lại cho những người kế thừa tổ tụng của bà D tiền chuộc đất bằng 1.550 kg lúa.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị D trình bày: Phần đất tranh chấp là của ông Nguyễn Văn N đã bán cho ông Nguyễn Văn H và ông Trương Văn S, sau đó ông H và ông S đã bán cho vợ chồng bà nên vợ chồng bà đã làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vì vậy, ông N yêu cầu bà cho chuộc lại diện tích là 6.570m² thuộc thửa 352, tờ bản đồ số 06 tọa lạc ấp Hòa Đ, xã Ngọc T, huyện Mỹ X, tỉnh Sóc Trăng được UBND huyện Mỹ X cấp giấy chứng nhận QSDĐ ngày 22/8/1994 bà không đồng ý. Sau khi bà Nguyễn Thị D chết thì những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng và đồng thời là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan của bà D là K, T: thống nhất với lời trình bày của bà D trước đây. Sau khi bà D mất Tòa án đã thông báo cho các ông, bà về việc kế thừa quyền, nghĩa vụ tổ tụng theo thông báo số 28/TB-TLVA, ngày 09/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ X nhưng ông K, bà T không có ý kiến. Còn ông Nguyễn Văn Th và Nguyễn Văn H trình bày không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn và yêu cầu ông Nguyễn Văn N đưa ra giấy cổ đất của ông T, ông S và yêu cầu Tòa án xác minh hai người này. Phần đất tranh chấp này cha mẹ ông đã cho các con sử dụng nên không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn.

Sự việc được Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên thụ lý, giải quyết như sau:

Áp dụng khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 147; Điều 157; Điều 158; khoản 1 Điều 244; Điều 271; khoản 1,3 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị định 70-CP ngày 12/6/1997 về án phí, lệ phí Tòa án; pháp lệnh án phí và lệ phí; Điều 48 Nghị quyết 326 ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N.
2. Buộc những người kế thừa tổ tụng của bị đơn bà Nguyễn Thị D là ông Nguyễn Duy K, bà Nguyễn Thị Tố T, ông Nguyễn Văn H và ông Nguyễn Văn Th có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn N số tiền 91.170.000 đồng.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật và nguyên đơn ông Nguyễn Văn N có đơn yêu cầu thi hành án mà những người kế thừa tổ tụng của bà Nguyễn Thị D không thanh toán số tiền nói trên cho ông N thì hàng tháng còn phải chịu lãi chậm

trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thanh toán.

- Ông Nguyễn Văn N phải có nghĩa vụ thanh toán cho những người kế thừa tổ tụng của bà Nguyễn Thị D là ông Nguyễn Duy K, bà Nguyễn Thị Tổ T, ông Nguyễn Văn H và ông Nguyễn Văn Th 1.550kg lúa hoặc giá trị tương đương bằng tiền tại thời điểm thanh toán.

3/ Những người kế thừa tổ tụng của bị đơn bà Nguyễn Thị D là ông Nguyễn Duy K, bà Nguyễn Thị Tổ T, ông Nguyễn Văn H và ông Nguyễn Văn Th được quyền sử dụng phần đất có diện tích 6.078m² thuộc thửa 352, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại ấp Hòa Đ, xã Ngọc T, huyện Mỹ X, tỉnh Sóc Trăng. Có số đo tứ cận như sau:

- + Hướng Đông giáp đất bà Nguyễn Thị D có số đo 80,7 m.
- + Hướng Tây giáp đất ông Võ Văn V có số đo 96,4 m.
- + Hướng Nam giáp đất ông Bùi Văn L có số đo 72,7 m.
- + Hướng Bắc giáp đất Võ Văn V có số đo 60,6m

Ngoài ra cấp sơ thẩm còn tuyên án phí, chi phí định giá và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 18 tháng 11 năm 2019 những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bị đơn, đồng thời cũng là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn và đề nghị hủy án sơ thẩm với lý do từ khi Tòa án Mỹ Xuyên thụ lý vụ án chỉ giao cho các ông bà một lần giấy triệu tập nhưng bản án nhận định các ông được tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập hai lần là vô lý, vì vậy các ông, bà yêu cầu hủy án.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay nguyên đơn không rút đơn khởi kiện và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bị đơn đồng thời là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo, về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Đồng thời, phát biểu quan điểm giải quyết vụ án, sau khi phân tích và đánh giá chứng cứ kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, ý kiến phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên, những người tham gia tố tụng khác, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Người kháng cáo, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo là đúng theo quy định tại các Điều 271, 272 và 275 Bộ luật Tố tụng dân sự năm

2015, nên kháng cáo hợp lệ và đúng theo luật định. Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét nội dung kháng cáo.

[1.2] Về sự có mặt của những người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện Mỹ X, tỉnh Sóc Trăng ông Võ Thành T1 có đơn xin xét xử vắng mặt, những người làm chứng Nguyễn Văn B, Trương Văn S, Nguyễn Văn H đã được Tòa án triệu tập lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Sau khi nghe ý kiến của các đương sự có mặt, ý kiến kiểm sát viên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vụ án.

[1.3] Đối với sự vắng mặt của người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Tố T và ông Nguyễn Duy K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt không lý do. Xét thấy, bà T và ông K là người có đơn kháng cáo đã được Tòa án triệu tập đến tham gia phiên Tòa lần thứ hai nhưng vẫn cố tình vắng mặt nên được coi như từ bỏ việc kháng cáo nên căn cứ vào khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà T và ông K.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn ông Nguyễn Văn N có thay đổi yêu cầu khởi kiện là ông chỉ yêu cầu những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà D trả lại cho ông $\frac{1}{2}$ diện tích đất của thửa 352, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại ấp Hòa Đ, xã Ngọc T, huyện Mỹ X, tỉnh Sóc Trăng là 3.039 m^2 và do ở xa không có điều kiện canh tác nên ông yêu cầu được nhận bằng giá trị quyền sử dụng đất (nhận bằng tiền). Do việc thay đổi yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Văn N là tự nguyện và không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã căn cứ khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn N là có căn cứ đúng quy định pháp luật.

[2.1] Nguyên đơn N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị D trả lại cho ông phần đất có diện tích 3.039 m^2 thuộc thửa 352, tờ bản đồ số 06 tọa lạc ấp Hòa Đ, xã Ngọc T, huyện Mỹ X, tỉnh Sóc Trăng. Ông N sẽ trả lại cho bà D 1.550 kg lúa mà bà D đã bỏ ra chuộc lại đất từ ông Trương Văn S và ông Nguyễn Văn H. Qua kết quả đo đạc thực tế ngày 28/12/2007 phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế là 6.078 m^2 nhưng ông Nguyễn Văn N chỉ yêu cầu bà D trả $\frac{1}{2}$ có diện tích là 3.039 m^2 thuộc thửa 352, tờ bản đồ số 6 tọa lạc ấp Hòa Đ, xã Ngọc T, huyện Mỹ X, tỉnh Sóc Trăng và nhận bằng giá trị (nhận bằng tiền). Khi còn sống thì bị đơn bà Nguyễn Thị D cho rằng phần đất tranh chấp là của ông Nguyễn Văn N đã bán cho ông Nguyễn Văn H và ông Trương Văn S sau đó ông H và ông S bán cho vợ chồng bà và vợ chồng bà đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên không đồng ý theo yêu cầu của ông N. Vì vậy, có cơ sở xác định nguồn gốc phần đất đang tranh chấp là của nguyên đơn nên theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì đây là sự thật không cần phải chứng minh.

[2.2] Bị đơn cho rằng phần đất này ông Nguyễn Văn N đã bán cho ông Nguyễn Văn H và ông Trương Văn S nhưng ngoài lời khai bị đơn, ông S và ông H thì bị đơn không có chứng cứ gì để chứng minh (không giấy tờ); Đồng thời ông S, ông H cho rằng chuyển nhượng đất của ông N nhưng lại không có bất cứ giấy tờ gì

chứng minh, cũng như làm thủ tục sang tên cho ông S, ông H trước khi sang tên cho ông Q. Mặc khác, sau khi ông Q chuộc lại đất từ ông S, ông H thì ông Q vẫn kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn N và ngày 22/8/1994 ông N được Ủy ban nhân dân huyện Mỹ X cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 6.570m². Năm 2000 thì ông Q mới đứng tên quyền sử dụng đất nên có cơ sở xác định phần đất trên vào năm 1991 là do ông N cõ cho ông H, ông S.

[2.3] Bị đơn cho rằng phần đất trên chuyển nhượng từ ông H, ông S nhưng cung cấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 29/11/2000 và cho rằng ông Nguyễn Văn N đã chuyển nhượng cho ông Q và bà D là có sự mâu thuẫn. Nguyên đơn ông Nguyễn Văn N không thừa nhận và cho rằng không phải ông ký tên trong hợp đồng chuyển nhượng. Tại biên bản xác nhận của Công an xã Ngọc Tõ và đội cảnh sát quản lý Hành chính của Công an huyện Mỹ Xuyên đã xác nhận “từ năm 1991 đến ngày 25/8/2006 ông N không có mặt tại địa phương”. Mặc khác, bị đơn lại có lời khai cho rằng phần đất trên đã chuyển nhượng từ ông H, ông S nhưng không có giấy tờ gì để chứng minh. Từ những căn cứ này cho thấy hợp đồng được ký kết ngày 27/11/2000 là hợp đồng giả tạo. Vì vậy, ông Nguyễn Văn N khởi kiện yêu cầu chuộc lại đất là có căn cứ.

[2.4] Xét về nhu cầu sử dụng đất: Theo biên bản xem xét thẩm định ngày 28/12/2007 diện tích đo đạc thực tế 6.078m² thuộc thửa 352, tờ bản đồ số 06 tọa lạc ấp Hòa Đ, xã Ngọc T, huyện Mỹ X, tỉnh Sóc Trăng, loại đất nông nghiệp nhưng đã nhiều năm ông N không trực tiếp canh tác, từ khi chuộc đất thì vợ chồng bị đơn đã trực tiếp quản lý canh tác, các bị đơn đã cải tạo, tôn tạo lại đất. Ngày 11/4/2017 Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên đã tiến hành xem xét thẩm định – định giá lại tài sản nhưng không tiến hành được (BL379-380) với lý do “không xác định được ranh đất tranh chấp giữa các đương sự vì vậy không tiến hành thẩm định, định giá phần đất tranh chấp”. Đồng thời hiện nay nguyên đơn ông N không còn sinh sống ở địa phương và ông N có yêu cầu được nhận lại tài sản bằng giá trị. Xét thấy, qua đo đạc thực tế 28/12/2007, thửa đất 352, tờ bản đồ số 06 có diện tích là 6.078m² N yêu cầu trả lại $\frac{1}{2} = 3.039\text{m}^2$, phần đất này từ năm 1991 đến nay ông N không có trực tiếp canh tác mà do phía gia đình bên bị đơn canh tác, cải tạo nên việc nguyên đơn yêu cầu được nhận bằng giá trị là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận và phần đất ông N yêu cầu có giá trị $3.039 \text{ m}^2 \times 30.000 \text{ đồng/m}^2 = 91.170.000 \text{ đồng}$. Do hiện nay bị đơn bà Nguyễn Thị D đã chết những người kế thừa tổ tụng của bà D là ông Nguyễn Duy K, bà Nguyễn Thị Tô T, ông Nguyễn Văn H và ông Nguyễn Văn Th đang quản lý, sử dụng phần đất này nên phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn N số tiền giá trị quyền sử dụng đất 91.170.000 đồng là có căn cứ đúng quy định pháp luật.

[2.5] Đối với số lúa 3.100 kg mà vợ chồng bà Nguyễn Thị D bỏ ra để chuộc lại đất. Xét thấy, sau khi chuộc đất thì vợ chồng bà D là người trực tiếp quản lý, sử dụng đất và đã thu lợi trên phần đất trên và như đã phân tích trên thì hợp đồng cõ hay chuyển nhượng đất là trái pháp luật nên hai bên trả lại cho nhau những gì đã nhận. Vì vậy, cấp sơ thẩm không tính chênh lệch giá trị đất mà ông Năng yêu cầu được nhận lại 3.039m² nên ông Nguyễn Văn N có nghĩa vụ trả cho những người kế

thừa tố tụng của bà D là ông Nguyễn Duy K, bà Nguyễn Thị Tô T, ông Nguyễn Văn H và ông Nguyễn Văn Th 1.550kg lúa là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[2.6] Do yêu cầu của ông Nguyễn Văn N được giải quyết trả bằng giá trị, phần đất tranh chấp hiện nay phía bị đơn đang quản lý sử dụng, trong quá trình sử dụng đã làm thay đổi hiện trạng đất và hiện nay phần đất này ông Nguyễn Văn Q đang đứng tên quyền sử dụng đất. Việc Tòa án buộc những người đang quản lý đất trả lại cho nguyên đơn giá trị bằng tiền không làm thay đổi quyền sử dụng đất của phía bị đơn, phía bị đơn vẫn tiếp tục sử dụng phần đất trên theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp.

[3] Đối với kháng cáo đề nghị hủy án sơ thẩm với lý do từ khi Tòa án Mỹ Xuyên thụ lý vụ án chỉ giao cho các ông một lần giấy triệu tập nhưng bản án nhận định các ông được tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập hai lần là vô lý. Xét thấy, qua xem xét hồ sơ thấy rằng cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định theo thủ tục tố tụng, tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự, đồng thời việc ra quyết định đưa vụ án ra xét xử số 115, ngày 28/8/2019 (BL638) cấp sơ thẩm cũng đã tổng đạt cho bà Nguyễn Thị Tô T, Nguyễn Văn H, Nguyễn Duy K, Nguyễn Văn Th do bà Lê Hồng D nhận thay ngày 04/9/2019; Tòa án cũng đã tiến hành niêm yết các văn bản trên tại nhà đương sự, trụ sở Ủy ban nhân dân xã và Trụ sở Tòa án. Đối với quyết định hoãn phiên tòa số 85, ngày 25/9/2019 (BL 666) Tòa án đã tổng đạt cho các đương sự nhưng các đương sự không có nhà nên đã tiến hành niêm yết ngày 3/10/2019 (BL675 đến 679). Cấp sơ thẩm đã thực hiện việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự theo đúng quy định tại các Điều 177 và 179 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Hơn nữa, việc này không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của các đương sự vì sau khi giải quyết các đương sự đã nhận được bản án và thực hiện quyền kháng cáo theo đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, kháng cáo này của các đương sự là không có căn cứ Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[4] Từ những phân tích trên thấy kháng cáo của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn, đồng thời là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan yêu cầu không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Văn N và hủy bản án sơ thẩm do cấp sơ thẩm vi phạm tố tụng là không có căn cứ, Hội đồng xét xử không chấp nhận. Cần giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

[5] Đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí sơ thẩm: Việc tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp đòi tài sản là quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì trường hợp này đương sự phải chịu án phí không có giá ngạch là 300.000 đồng cấp sơ thẩm buộc các bị đơn phải chịu án phí 4.558.500 đồng là không chính xác làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của đương sự nên cấp phúc thẩm điều chỉnh lại cho phù hợp với quy định pháp luật.

[7] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của các đương sự không được chấp nhận nên những người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án phải chịu là 300.000 đồng án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; khoản 2 Điều 148; khoản 3 Điều 296 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Tuyên xử:

1. Đình xử xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của bị đơn và là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Duy K, bà Nguyễn Thị Tố T.

2. Không chấp nhận kháng cáo của những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn và là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn Th. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 44/2019/DS-ST, ngày 22 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

Áp dụng khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 147; Điều 157; Điều 158; khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị định 70-CP ngày 12/6/1997 về án phí, lệ phí Tòa án; pháp lệnh án phí và lệ phí; Điều 48 Nghị quyết 326 ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015. .

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N.

2. Buộc những người kế thừa tố tụng của bị đơn bà Nguyễn Thị D là ông Nguyễn Duy K, bà Nguyễn Thị Tố T, ông Nguyễn Văn H và ông Nguyễn Văn Th có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn N số tiền 91.170.000 đồng.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật và nguyên đơn ông Nguyễn Văn N có đơn yêu cầu thi hành án mà những người kế thừa tố tụng của bà Nguyễn Thị D không thanh toán số tiền nói trên cho ông N thì hàng tháng còn phải chịu lãi chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thanh toán.

3. Ông Nguyễn Văn N phải có nghĩa vụ thanh toán cho những người kế thừa tố tụng của bà Nguyễn Thị D là ông Nguyễn Duy K, bà Nguyễn Thị Tố T, ông Nguyễn Văn H và ông Nguyễn Văn Th 1.550kg lúa hoặc giá trị tương đương bằng tiền tại thời điểm thanh toán.

4. Những người kế thừa tố tụng của bị đơn bà Nguyễn Thị D là ông Nguyễn Duy K, bà Nguyễn Thị Tố T, ông Nguyễn Văn H và ông Nguyễn Văn Th được

quyền sử dụng phần đất có diện tích 6.078m² thuộc thửa 352, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại ấp Hòa Đ, xã Ngọc T, huyện Mỹ X, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Nguyễn Văn Q đúng ngày 07/12/2000. Có số đo tứ cận theo biên bản xem xét thẩm định ngày 28/12/2007, như sau:

- + Hướng Đông giáp đất bà Nguyễn Thị D có số đo 80,7 m.
- + Hướng Tây giáp đất ông Võ Văn V có số đo 96,4 m.
- + Hướng Nam giáp đất ông Bùi Văn L có số đo 72,7 m.
- + Hướng Bắc giáp đất Võ Văn V có số đo 60,6m

5. Chi phí thẩm định, định giá là: 1.380.000 đồng bị đơn phải chịu, ông Nguyễn Văn N đã nộp xong nên những người kế thừa tố tụng của bị đơn bà Nguyễn Thị D là ông Nguyễn Duy K, bà Nguyễn Thị Tố T, ông Nguyễn Văn H và ông Nguyễn Văn Th phải có nghĩa vụ trả là 1.380.000 đồng cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn N.

6. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Những người kế thừa tố tụng của bị đơn bà Nguyễn Thị D là ông Nguyễn Duy K, bà Nguyễn Thị Tố T, ông Nguyễn Văn H và ông Nguyễn Văn Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng. Nguyên đơn ông Nguyễn Văn N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 387.500 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.230.000 đồng theo biên lai số 004221 ngày 12/11/2007 của Cơ quan thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên ông Năng được nhận lại 2.842.500 đồng.

- Án phí phúc thẩm: Những người kế thừa tố tụng của bị đơn bà Nguyễn Thị D là ông Nguyễn Văn H, Nguyễn Duy K, Nguyễn Thị Tố T và ông Nguyễn Văn Th mỗi người phải chịu là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Thảo, ông Khánh, bà Trinh, ông Hiếu đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí 0000028; 0000027; 0000029; 0000026 cùng ngày 25/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, các ông bà đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

- Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện Mỹ Xuyên;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Xuyên;
- Các đương sự;
- Lưu: TDS-HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Tôn Thị Thanh Thúy